

Số: 3448 /TM-BVT

Hà Nội, ngày 12 tháng 9 năm 2025

THƯ MỜI BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện Tim Hà Nội có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu Gói thầu số 6: “Dụng cụ rối loạn nhịp và tim bẩm sinh” thuộc dự toán mua sắm hoá chất, vật tư tiêu hao năm 2025 của Bệnh viện Tim Hà Nội với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá:

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Tim Hà Nội. (Địa chỉ: 92 Trần Hưng Đạo, P. Cửa Nam, Tp. Hà Nội).
- Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá: Phạm Mến Thương – SĐT: 0983259872.
- Cách thức tiếp nhận báo giá:
Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Phòng Văn thư, tầng 4, nhà B, Bệnh viện Tim Hà Nội.
- Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 08 giờ 00 phút ngày 12 tháng 9 năm 2025 đến trước 16 giờ 30 phút ngày 29 tháng 9 năm 2025.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

- Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 29 tháng 9 năm 2025.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

- Danh mục vật tư y tế: (Danh mục hàng hoá chi tiết kèm theo).
- Địa điểm cung cấp hàng hoá:
 - Cơ sở 1: kho Vật tư TBYT, số 92 Trần Hưng Đạo, P. Cửa Nam, Tp. Hà Nội.
 - Cơ sở 2: kho Vật tư TBYT, số 695 Lạc Long Quân, P. Tây Hồ, Tp. Hà Nội.
- Thời gian giao hàng dự kiến: Quý IV năm 2025 (tùy theo thời gian Hợp đồng ký kết).
- Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng: Không có.

Kính đề nghị Quý đơn vị quan tâm, gửi báo giá kèm Thư mời này đến Bệnh viện Tim Hà Nội.

Trân trọng thông báo! 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Website BV Tim HN;
- Lưu: VT, VTTBYT. (Thương)

 



Nguyễn Sinh Hiền

MẪU BÁO GIÁ

(Kèm theo Thư mời báo giá số 3448 /TM-BVT ngày 12 tháng 9 năm 2025 Bệnh viện Tim Hà Nội)

BÁO GIÁ

Kính gửi: Bệnh viện Tim Hà Nội

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Bệnh viện Tim Hà Nội (Thư mời báo giá số 3448 /TM-BVT ngày 12 tháng 9 năm 2025 của Bệnh viện Tim Hà Nội), chúng tôi.... [ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các hoá chất/vật tư y tế như sau:

1. Báo giá cho các vật tư y tế và các dịch vụ liên quan:

T T	Tên hoá chất / vật tư y tế	Thông số kỹ thuật / thành phần	Ký, mã, nhãn hiệu, model	Quy cách đóng gói	Tên thương mại	Hãng /Nướ c sản xuất	Mã HS	Nă m sản xuất	Xuất xứ	Số lượn g	Đơn vị tính	Đơn giá (đồng)	Chi phí cho các dịch vụ liên quan (đồng)	Thuế, phí, lệ phí (nếu có) (đồng)	Thành tiền (VND)
1															
2															
n															

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của các hoá chất/vật tư y tế).

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: __ ngày, kể từ ngày __ tháng __ năm __ [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày], kể từ ngày __ tháng __ năm __ [ghi ngày..tháng..năm.. kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I – Yêu cầu báo giá].

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- Giá trị của các hoá chất/vật tư y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày.... tháng.... năm....

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp
(Ký tên, đóng dấu)

DANH MỤC HÀNG HOÁ GÓI THẦU SỐ 6: DỤNG CỤ RỐI LOẠN NHỊP VÀ TIM BẨM SINH

(Kèm theo Thư mời báo giá số 3448 /TM-BVT ngày 12 tháng 9 năm 2025 của Bệnh viện Tim Hà Nội)

STT	Danh mục vật tư	Thông số kỹ thuật yêu cầu cần đạt tối thiểu	Số lượng	Đơn vị tính	Quy cách đóng gói tối thiểu	Xuất xứ	Ghi chú
1	Bóng nong van động mạch phổi, động mạch chủ	- Bóng nong van động mạch phổi, động mạch chủ chất liệu Co-polymer hoặc Polyamide - Đường kính bóng từ 5mm đến 30mm - Chiều dài bóng từ 20mm đến 60mm - Tương thích dây dẫn $\leq 0.035"$ - Có chứng nhận FDA hoặc CE	50	Cái	1 cái/ hộp	Nhóm nước G7	
2	Bóng nong van động mạch chủ, động mạch phổi	- Bóng nong van động mạch chủ, động mạch phổi, chất liệu Advanced PET hoặc Polyamide - Chiều dài bóng từ 20mm đến 60mm - Đường kính bóng từ 12mm đến 30mm - Có chứng nhận FDA hoặc CE	50	Cái	1 cái/ hộp	Nhóm nước G7	
3	Bóng nong van động mạch phổi các cỡ	- Bóng được làm bằng chất liệu Polyamid, có 2 điểm chắn bức xạ. - Đường kính bóng từ 4mm đến 20mm - Chiều dài bóng ≤ 30 mm - Đường kính sheath tối thiểu $\leq 3F$ - Tương thích dây dẫn $\leq 0.035"$ - Có chứng nhận FDA hoặc CE	10	Cái	1 cái/ hộp	Nhóm nước G7	
4	Bóng nong sửa van	- Bóng nong sửa van - Chiều dài của ống thông ≤ 110 cm - Đường kính bóng từ 6mm đến 35mm - Chiều dài bóng từ 20mm đến 60mm - Áp lực bơm bóng trung bình ≤ 2.5 atm - Có chứng nhận FDA hoặc CE	20	Cái	1 cái/ hộp	Châu Âu	
5	Bóng phá vách liên nhĩ	- Bóng phá vách liên nhĩ - Đường kính bóng từ 9.5mm đến 13.5mm - Thân được thiết kế phù hợp với sheath 5F và 6F - Có chứng nhận CE hoặc FDA	30	Cái	1 cái/ hộp	Không áp dụng	
6	Bóng đo đường kính lỗ thông liên nhĩ	- Bóng đo đường kính lỗ thông liên nhĩ có 3 nốt cản quang cách nhau khoảng 5mm - Đường kính bóng từ 25mm đến 35mm - Chiều dài ≤ 50 mm - Thể tích bơm đầy đến 90ml - Có chứng nhận FDA hoặc CE	100	Cái	1 cái/ hộp	Nhóm nước G7	
7	Bóng đo kích thước lỗ thông liên nhĩ	- Bóng đo đường kính lỗ thông liên nhĩ với 3 đánh dấu điểm chắn bức xạ, thiết kế đầu mềm và trục linh hoạt trơn, màng siêu dày - Đường kính bóng từ 18mm đến 34mm - Có chứng nhận FDA và CE	100	Cái	1 cái/ túi	Nhóm nước G7	
8	Bộ dụng cụ mở đường vào loại thành mỏng	- Bộ dụng cụ mở đường vào loại thành mỏng, cấu trúc lưới đan kim loại - Đường kính tối thiểu $\leq 10F$, tối đa $\geq 14F$ - Chiều dài ≥ 25 cm - Có chứng nhận FDA hoặc CE	50	Bộ	1 bộ/hộp	Không áp dụng	
9	Bộ dụng cụ thả dù	- Bộ dụng cụ thả dù kèm van cầm máu có kiểm soát - Đường kính từ 5F đến 14F - Có lớp lót PTFE - Có nhiều kiểu đầu cong can thiệp khác nhau - Có chứng nhận FDA hoặc CE	400	Bộ	1 bộ/hộp	Không áp dụng	
10	Bộ sheath thả dù	- Bộ dụng cụ thả dù chất liệu thép không gỉ, bọc vỏ PTFE - Thiết kế đầu mềm, có các điểm chắn bức xạ để xác định vị trí trong quá trình can thiệp. - Đường kính từ 4F đến 13F - Có chứng nhận FDA hoặc CE	50	Bộ	1 bộ/hộp	Nhóm nước G7	

STT	Danh mục vật tư	Thông số kỹ thuật yêu cầu cần đạt tối thiểu	Số lượng	Đơn vị tính	Quy cách đóng gói tối thiểu	Xuất xứ	Ghi chú
11	Bộ dụng cụ bung dù	- Bộ dụng cụ thả dù - Ống nong trơn láng, loader trong suốt để kiểm soát bóng khí, Y-connector có van cầm máu - Gồm 2 loại đầu cong 45° và 180° - Đường kính từ 6F đến 14F - Có chứng nhận FDA hoặc CE	250	Bộ	1 bộ/hộp	Nhóm nước G7	
12	Bộ ống thông thả dụng cụ vít lỗ tiểu nhĩ	- Bộ ống thông để thả dụng cụ vít lỗ tiểu nhĩ chất liệu nhựa và thép không gỉ - Thiết kế đầu cong 45x45 - Kích thước tối thiểu có các cỡ 12F, 14F - Chiều dài ≤ 80cm - Có chứng nhận FDA hoặc CE	2	Bộ	1 cái/ hộp	Không áp dụng	
13	Catheter siêu nhỏ cỡ 2.4F - 2.7F	- Vi ống thông cỡ 2.4F - 2.7F có cấu trúc đoạn xa có 3 lớp phủ PTFE và phủ lớp ái nước, cân quang. - Chiều dài ≤ 150cm - Có chứng nhận FDA hoặc CE	50	Cái	1 cái/ hộp	Nhóm nước G7	
14	Catheter siêu nhỏ cỡ 2.6F - 2.8F	- Vi ống thông cỡ 2.6F - 2.8F kèm dây dẫn phủ lớp ái nước - Đường kính trong ≤ 0.027" - Đường kính ngoài đoạn xa ≤ 2.6F - Đường kính ngoài đoạn gần ≤ 2.8F - Chiều dài ≤ 135cm - Dạng đầu tip: Cong 80 độ, cong hai lần	50	Cái	1 cái/ hộp	Không áp dụng	
15	Catheter trợ giúp can thiệp	- Catheter trợ giúp can thiệp mạch vành chất liệu lớp giữa là thép không gỉ - Có tối thiểu các loại đầu cong: JL, JR, ST - Đường kính ≤ 7F - Có thể luồn trong guiding khác (Loại catheter 5F có thể luồn trong catheter 6F) - Chiều dài tối đa ≤ 120cm - Có chứng nhận FDA hoặc CE	50	Cái	1 cái/ hộp	Nhóm nước G7	
16	Coil vít thông liên thất	- Hệ thống coil xoắn VSD, chất liệu Nitinol đàn hồi - Thiết kế coil có sợi polyester - Tương thích MR - Đường kính coil từ 8mm đến 16mm	10	Bộ	1 bộ/ hộp	Nhóm nước G7	
17	Coil vít ống động mạch	- Hệ thống coil xoắn PDA, chất liệu Nitinol đàn hồi - Tương thích MR - Đường kính coil từ 4mm đến 11mm	10	Bộ	1 bộ/ hộp	Nhóm nước G7	
18	Dụng cụ lấy dị vật	- Dụng cụ lấy dị vật 2 vòng, chất liệu Nitinol siêu đàn hồi - Vòng cân quang chất liệu sợi bạch kim - Đường kính vòng: 5mm đến 30mm - Chiều dài hệ thống > 120cm - Có chứng nhận FDA và CE	170	Cái	1 cái/ hộp	Nhóm nước G7	
19	Dụng cụ bắt dị vật 3 vòng	- Dụng cụ bắt dị vật 3 vòng, chất liệu Nitinol - Đường kính vòng: 2mm đến 45mm - Chiều dài hệ thống ≤ 120cm - Có chứng nhận FDA và CE	10	Cái	1 cái/ hộp	Châu Âu	
20	Dụng cụ lấy dị vật mạch não	- Dụng cụ lấy dị vật, chất liệu Nitinol - Vòng cân quang chất liệu tungsteng mạ vàng - Đường kính vòng: 2mm đến 7mm - Có chứng nhận FDA hoặc CE	10	Cái	1 cái/ hộp	Nhóm nước G7	
21	Dụng cụ lấy dị vật mạch ngoại vi	- Dụng cụ lấy dị vật, chất liệu Nitinol - Vòng cân quang chất liệu tungsteng mạ vàng - Đường kính vòng: 5mm đến 35mm - Có chứng nhận FDA hoặc CE	10	Cái	1 cái/ hộp	Nhóm nước G7	
22	Dù đóng lỗ thông liên nhĩ	- Dù đóng thông liên nhĩ có khung làm từ Nitinol có tính năng nhớ hình. - Tương thích khi chụp MRI - Đường kính dù từ 8mm đến 40mm - Có chứng nhận FDA hoặc CE	180	Cái	1 cái/ hộp	Không áp dụng	

STT	Danh mục vật tư	Thông số kỹ thuật yêu cầu cần đạt tối thiểu	Số lượng	Đơn vị tính	Quy cách đóng gói tối thiểu	Xuất xứ	Ghi chú
23	Dù đóng thông liên nhĩ	- Dù đóng thông liên nhĩ chất liệu hợp kim Nitinol lớp Titanium - Công nghệ đan bên một núm duy nhất kết nối với cáp thả dù - Đường kính dù từ 4mm đến 40mm - Có chứng nhận FDA hoặc CE	70	Cái	1 cái/ hộp	Nhóm nước G7	
24	Dù bít lỗ thông liên nhĩ	- Dù đóng thông liên nhĩ chất liệu hợp kim nhớ hình có cấu tạo dạng lưới, đĩa có phủ vải polypropylen - Đường kính dù từ 8mm đến 40mm - Có chứng nhận FDA hoặc CE	50	Cái	1 cái/ hộp	Không áp dụng	
25	Dù đóng lỗ bầu dục (PFO)	- Dù đóng lỗ bầu dục chất liệu hợp kim Nitinol phủ Titanium - Công nghệ đan bên không núm - Đường kính dù từ 18mm đến 35mm - Có chứng nhận FDA hoặc CE	50	Cái	1 cái/ hộp	Nhóm nước G7	
26	Dù bít lỗ bầu dục	- Dù bít lỗ bầu dục chất liệu hợp kim Nitinol - Thiết kế đan từ một sợi dây Nitinol - Đĩa nhĩ trái 1 lớp - Đường kính dù từ 20mm đến 30mm - Có chứng nhận FDA hoặc CE	20	Cái	1 cái/ hộp	Nhóm nước G7	
27	Dù bít còn ống động mạch	- Dù bít còn ống động mạch có khung làm từ Nitinol nhớ hình - Đường kính dù từ 6mm đến 18mm - Tương thích khi chụp MRI - Có chứng nhận FDA hoặc CE	100	Cái	1 cái/ hộp	Không áp dụng	
28	Dù đóng ống động mạch	- Dù đóng ống động mạch phủ Titanium - Có hai loại thân chuẩn và thân dài, một núm, không có núm đầu xa - Kèm cáp thả dù - Đường kính dù từ 5mm đến 18mm - Có chứng nhận FDA hoặc CE	40	Cái	1 cái/ hộp	Không áp dụng	
29	Dù đóng còn ống động mạch	- Dù đóng còn ống động mạch có khung làm từ Nitinol, phủ lớp Platinum - Đường kính dù từ 4mm đến 20mm - Có chứng nhận FDA hoặc CE	40	Cái	1 cái/ hộp	Không áp dụng	
30	Dù bít ống động mạch loại 2 cánh	- Dù bít ống động mạch loại 2 cánh - Đường kính dù từ 3mm đến 5mm - Có chứng nhận FDA hoặc CE	40	Cái	1 cái/ hộp	Nhóm nước G7	
31	Dù đóng lỗ thông liên thất	- Dù đóng thông liên thất có khung làm từ Nitinol có tính năng nhớ hình. - Đường kính dù từ 4mm đến 12mm - Tương thích khi chụp MRI - Có chứng nhận FDA hoặc CE	110	Cái	1 bộ/ hộp	Không áp dụng	
32	Dụng cụ bít lỗ tiểu nhĩ	- Dụng cụ bít lỗ tiểu nhĩ tự mở chất liệu hợp kim nhớ hình, có cấu tạo dạng lưới Nitinol. - Dụng cụ bao gồm: một lobe trước và một đĩa (disc) sau được kết nối bởi nút thắt (central waist) - Có chứng nhận FDA và CE	2	Cái	1 cái/ hộp	Không áp dụng	
33	Dù đóng dò động tĩnh mạch	- Dù dạng lưới kim loại tự nở để bít các đường rò bất thường - Chất liệu kim loại Nitinol nhớ hình - Khoảng mạch điều trị tối đa $\leq 12,5\text{mm}$ - Đường kính dù từ 4mm đến 16mm - Có chứng nhận FDA hoặc CE	50	Cái	1 cái/ hộp	Nhóm nước G7	
34	Dù đóng dò động tĩnh mạch loại 2 cánh	- Dù dạng lưới kim loại tự nở loại 2 cánh để bít các đường rò bất thường, tương thích MRI - Chất liệu kim loại Nitinol nhớ hình - Khoảng mạch điều trị tối đa $\leq 17\text{mm}$ - Đường kính dù từ 3mm đến 22mm - Có chứng nhận FDA hoặc CE	20	Cái	1 cái/ hộp	Nhóm nước G7	

STT	Danh mục vật tư	Thông số kỹ thuật yêu cầu cần đạt tối thiểu	Số lượng	Đơn vị tính	Quy cách đóng gói tối thiểu	Xuất xứ	Ghi chú
35	Guide wire cứng trợ giúp can thiệp tim bẩm sinh	- Guide wire trợ giúp can thiệp tim bẩm sinh loại cứng (stiff wire) được thiết kế lõi thép không gỉ bên ngoài phủ lớp PTFE. - Với đầu J mềm dài 3mm - Đường kính $\geq 0.035"$, chiều dài $\geq 260\text{cm}$. - Có chứng nhận FDA hoặc CE	300	Cái	1 cái/ hộp	Nhóm nước G7	
36	Guide wire trợ giúp can thiệp trong tim bẩm sinh	- Guide wire trợ giúp can thiệp tim bẩm sinh loại cứng (stiff wire) được thiết kế lõi thép không gỉ bên ngoài phủ lớp PTFE - Với đầu J mềm dài $>3\text{mm}$ - Đường kính $\geq 0.035"$, chiều dài $\geq 260\text{cm}$ - Có chứng nhận FDA hoặc CE	100	Cái	1 cái/ hộp	Châu Âu	
37	Vòng xoắn kim loại (Coil)	- Vòng xoắn kim loại (Coil) gây tắc mạch: dạng coil dây, có sợi Dacron, chất liệu hợp kim Platinum - Chiều dài trong introducer tối đa 85mm. - Chiều dài khi thả tối đa 17mm. - Hình dạng: Kim cương, hình nón, vòng xoắn lặp lại, thẳng, vòng xoắn, xoắn ốc phức tạp. - Có chứng nhận FDA hoặc CE	200	Cái	1 cái/ hộp	Châu Âu	
38	Bộ van tim động mạch phổi qua da	- Bộ van tim động mạch phổi qua da gồm: + Hệ thống van động mạch phổi + Bộ dụng cụ thả van + Van tự nở với mô xử lý nhiều bước từ màng ngoài tim heo - Đường kính van từ 18mm đến 32mm - Đường kính hệ thống thả: 18F, 20F	10	Bộ	1 bộ/ hộp	Không áp dụng	
39	Bộ máy tạo nhịp tim 1 buồng, tương thích MRI toàn thân	- Bộ máy tạo nhịp tim 1 buồng có đáp ứng tần số (gồm: 1 thân máy, 1 dây điện cực tạo nhịp, 1 introducer) - Tương thích MRI toàn thân 1.5 Tesla - Có thể kích hoạt và tắt kích hoạt chế độ chụp MRI bằng thiết bị cầm tay hoặc phát hiện tự động từ trường MRI - Tự kiểm tra ngưỡng - Có chứng nhận CE hoặc FDA	15	Bộ	Hộp 1 bộ	Châu Mỹ/ Nhóm nước G7/ Đông Nam Á	
40	Bộ máy tạo nhịp tim 1 buồng, thời gian hoạt động dài	- Bộ máy tạo nhịp tim 1 buồng có đáp ứng tần số (gồm: 1 thân máy, 1 dây điện cực tạo nhịp, 1 introducer) - Tương thích MRI toàn thân 1.5 Tesla - Thể tích máy $\leq 10\text{cc}$ - Thời gian pin trung bình ≥ 14 năm - Có chứng nhận CE hoặc FDA	5	Bộ	Hộp 1 bộ	Châu Mỹ/ Nhóm nước G7/ Đông Nam Á	
41	Bộ máy tạo nhịp tim 1 buồng, có chức năng theo dõi phù phổi	- Bộ máy tạo nhịp tim 1 buồng có đáp ứng tần số (gồm: 1 thân máy, 1 dây điện cực tạo nhịp, 1 introducer) - Tương thích MRI toàn thân 1.5 Tesla và 3.0 Tesla - Theo dõi phù phổi - Thể tích máy $\leq 13\text{cc}$ - Có chứng nhận CE hoặc FDA	10	Bộ	Hộp 1 bộ	Châu Mỹ/ Nhóm nước G7/ Đông Nam Á	
42	Bộ máy tạo nhịp 1 buồng, có chức năng gợi ý các thông số hỗ trợ lập trình máy	- Bộ máy tạo nhịp tim 1 buồng có đáp ứng tần số (gồm: 1 thân máy, 1 dây điện cực tạo nhịp, 1 introducer) - Thể tích máy $\leq 10\text{cc}$ - Tương thích MRI toàn thân 1.5 Tesla và 3 Tesla - Có chức năng gợi ý các thông số hỗ trợ lập trình máy - Có chứng nhận FDA và CE	5	Bộ	Hộp 1 bộ	Châu Mỹ/ Châu Âu/ Đông Nam Á	

STT	Danh mục vật tư	Thông số kỹ thuật yêu cầu cần đạt tối thiểu	Số lượng	Đơn vị tính	Quy cách đóng gói tối thiểu	Xuất xứ	Ghi chú
43	Bộ máy tạo nhịp 1 buồng, có tính năng ổn định nhịp thất	- Bộ máy tạo nhịp tim 1 buồng có đáp ứng tần số (gồm: 1 thân máy, 1 dây điện cực tạo nhịp, 1 introducer) - Tương thích MRI toàn thân 1.5 Tesla và 3 Tesla - Tự động theo dõi và điều chỉnh: ngưỡng nhận cảm, trở kháng dây, cực tính của dây - Có tính năng ổn định nhịp thất khi có AT/AF - Thể tích máy $\leq 10\text{cc}$ - Có chứng nhận CE hoặc FDA	10	Bộ	Hộp 1 bộ	Châu Mỹ/ Châu Âu/ Đông Nam Á	
44	Bộ máy tạo nhịp tim 1 buồng, chuyên dùng cho trẻ em	- Bộ máy tạo nhịp tim 1 buồng có đáp ứng tần số (gồm: 1 thân máy, 1 dây điện cực tạo nhịp) - Tương thích MRI toàn thân. - Có chức năng gợi ý các thông số hỗ trợ lập trình máy - Thể tích máy $< 10\text{cc}$ - Có chứng nhận FDA và CE	5	Bộ	Hộp 1 bộ	Châu Mỹ/ Châu Âu/ Đông Nam Á	
45	Máy tạo nhịp không dây 1 buồng	- Máy tạo nhịp tim không dây 1 buồng có đáp ứng tần số - Tương thích MRI toàn thân 1.5 Tesla và 3 Tesla. - Tự động theo dõi và điều chỉnh ngưỡng nhận cảm. - Tuổi thọ pin trung bình ≥ 10 năm - Có chứng nhận FDA và CE	2	Bộ	Hộp 1 bộ	Châu Mỹ/ Châu Âu/ Đông Nam Á	
46	Bộ máy tạo nhịp 2 buồng, tương thích MRI toàn thân	- Bộ máy tạo nhịp tim 2 buồng có đáp ứng tần số (gồm: 1 thân máy, 2 dây điện cực tạo nhịp, 2 introducer) - Tương thích MRI toàn thân - Có thể kích hoạt và tắt kích hoạt chế độ chụp MRI bằng thiết bị cầm tay hoặc phát hiện tự động từ trường MRI - Lưu điện tâm đồ trong buồng tim - Có chứng nhận CE hoặc FDA	130	Bộ	Hộp 1 bộ	Châu Mỹ/ Nhóm nước G7/ Đông Nam Á	
47	Bộ máy tạo nhịp tim 2 buồng, có chức năng gợi ý các thông số giúp lập trình máy	- Bộ máy tạo nhịp tim 2 buồng có đáp ứng tần số (gồm 1 thân máy, 2 dây điện cực tạo nhịp, 2 introducer) - Tương thích MRI toàn thân 1.5 Tesla và 3.0 Tesla - Thể tích máy $< 13\text{cc}$ - Có chức năng gợi ý các thông số giúp lập trình máy thích hợp cho bệnh nhân - Có chứng nhận FDA và CE	30	Bộ	Hộp 1 bộ	Châu Mỹ/ Nhóm nước G7/ Đông Nam Á	
48	Bộ máy tạo nhịp 2 buồng, thời gian hoạt động dài	- Bộ máy tạo nhịp tim 2 buồng có đáp ứng tần số (gồm: 1 thân máy, 2 dây điện cực tạo nhịp, 2 introducer) - Tương thích MRI toàn thân 1.5 Tesla - Thời lượng pin trung bình ≥ 12 năm - Kích thước máy: độ dày $< 7\text{mm}$, thể tích $\leq 12\text{cc}$ - Có chứng nhận CE hoặc FDA	100	Bộ	Hộp 1 bộ	Châu Mỹ/ Nhóm nước G7/ Đông Nam Á	
49	Bộ máy tạo nhịp 2 buồng, thể tích máy nhỏ	- Bộ máy tạo nhịp tim 2 buồng có đáp ứng tần số (gồm: 1 thân máy, 2 dây điện cực tạo nhịp, 2 introducer) - Tương thích MRI toàn thân 1.5 Tesla và 3.0 Tesla - Thể tích $\leq 11\text{cc}$, độ dày $\leq 7\text{mm}$ - Có thể kích hoạt và tắt kích hoạt chế độ chụp MRI bằng thiết bị cầm tay hoặc phát hiện tự động từ trường MRI - Lưu điện tâm đồ trong buồng tim - Có chứng nhận CE hoặc FDA	20	Bộ	Hộp 1 bộ	Châu Mỹ/ Nhóm nước G7/ Đông Nam Á	

STT	Danh mục vật tư	Thông số kỹ thuật yêu cầu cần đạt tối thiểu	Số lượng	Đơn vị tính	Quy cách đóng gói tối thiểu	Xuất xứ	Ghi chú
50	Bộ máy tạo nhịp tim 2 buồng, có quản lý tạo nhịp nhĩ thất	- Bộ máy tạo nhịp tim 2 buồng có đáp ứng tần số (gồm 1 thân máy, 2 dây điện cực tạo nhịp, 2 introducer) - Tương thích MRI toàn thân 1.5 Tesla và 3 Tesla - Có chức năng gợi ý các thông số giúp lập trình máy thích hợp cho bệnh nhân - Thể tích $\leq 13.5\text{cc}$ - Tuổi thọ pin trung bình ≥ 11 năm - Có chứng nhận FDA và CE	70	Bộ	Hộp 1 bộ	Châu Mỹ/ Châu Âu/ Đông Nam Á	
51	Bộ máy tạo nhịp tim 2 buồng, có tính năng ổn định nhịp thất	- Bộ máy tạo nhịp tim 2 buồng có đáp ứng tần số (gồm 1 thân máy, 2 dây điện cực tạo nhịp, 2 introducer) - Tương thích MRI toàn thân 1.5 Tesla và 3 Tesla - Có tính năng ổn định nhịp thất khi có AT/AF - Thể tích $< 13\text{cc}$ - Tuổi thọ pin trung bình ≥ 11 năm - Có chứng nhận CE hoặc FDA	80	Bộ	Hộp 1 bộ	Châu Mỹ/ Châu Âu/ Đông Nam Á	
52	Bộ máy tạo nhịp tim 2 buồng, có tính năng ổn định nhịp thất với thời gian hoạt động dài	- Bộ máy tạo nhịp tim 2 buồng có đáp ứng tần số (gồm 1 thân máy, 2 dây điện cực tạo nhịp, 2 introducer) - Tương thích MRI toàn thân 1,5 Tesla và 3 Tesla - Có tính năng ổn định nhịp thất khi có AT/AF - Thể tích $< 13.5\text{cc}$ - Tuổi thọ pin trung bình ≥ 14 năm - Có chứng nhận CE hoặc FDA	20	Bộ	Hộp 1 bộ	Châu Mỹ/ Châu Âu/ Đông Nam Á	
53	Bộ máy tạo nhịp 2 buồng, giao tiếp RF không dây và theo dõi phù phổi	- Bộ máy tạo nhịp tim 2 buồng có đáp ứng tần số (gồm: 1 thân máy, 2 dây điện cực tạo nhịp, 2 introducer) - Tương thích MRI toàn thân 3.0 Tesla - Có thể kích hoạt và tắt kích hoạt chế độ chụp MRI bằng thiết bị cầm tay hoặc phát hiện tự động từ trường MRI - Tự động nhận cảm, dẫn truyền thất nội tại; tạo nhịp kiểm soát rung nhĩ; - Có chức năng theo dõi phù phổi - Giao tiếp không dây - Có chứng nhận CE hoặc FDA	30	Bộ	Hộp 1 bộ	Châu Mỹ/ Nhóm nước G7/ Đông Nam Á	
54	Bộ máy tạo nhịp tim 2 buồng, có chức năng theo dõi phù phổi	- Bộ máy tạo nhịp tim 2 buồng có đáp ứng tần số (gồm: 1 thân máy, 2 dây điện cực tạo nhịp, 2 introducer) - Tương thích MRI toàn thân 1.5 Tesla và 3.0 Tesla - Có chức năng theo dõi phù phổi - Có chương trình giảm tạo nhịp ở thất - Có chứng nhận CE hoặc FDA	20	Bộ	Hộp 1 bộ	Châu Mỹ/ Nhóm nước G7/ Đông Nam Á	
55	Bộ máy tạo nhịp 2 buồng, hỗ trợ điều trị nhanh nhĩ	- Bộ máy tạo nhịp tim 2 buồng có đáp ứng tần số (gồm: 1 thân máy, 2 dây điện cực tạo nhịp, 2 introducer) - Tương thích toàn thân MRI 1.5 và 3.0 Tesla - Có chức năng can thiệp và điều trị nhanh nhĩ - Có 2 tính năng giảm tạo nhịp thất - Có chứng nhận CE hoặc FDA	20	Bộ	Hộp 1 bộ	Châu Mỹ/ Châu Âu/ Đông Nam Á	
56	Bộ máy tạo nhịp tim 2 buồng, hỗ trợ điều trị loạn nhịp nhĩ	- Bộ máy tạo nhịp tim 2 buồng có đáp ứng tần số (gồm: 1 thân máy, 2 dây điện cực tạo nhịp, 2 introducer) - Tương thích MRI 1.5 và 3 Tesla toàn thân - Kết nối không dây, theo dõi phù phổi - Có chức năng tự động tạo nhịp vượt tần số điều trị loạn nhịp nhĩ - Có chứng nhận CE hoặc FDA	5	Bộ	1 bộ/ hộp	Châu Mỹ/ Nhóm nước G7/ Đông Nam Á	

STT	Danh mục vật tư	Thông số kỹ thuật yêu cầu cần đạt tối thiểu	Số lượng	Đơn vị tính	Quy cách đóng gói tối thiểu	Xuất xứ	Ghi chú
57	Bộ máy tạo nhịp 2 buồng, hỗ trợ điều trị loạn nhịp nhĩ và có tính năng giảm tạo nhịp thất	- Bộ máy tạo nhịp tim 2 buồng có đáp ứng tần số (gồm: 1 thân máy, 2 dây điện cực tạo nhịp, 2 introducer) - Tương thích MRI 1.5 và 3 Tesla toàn thân - Kết nối không dây, theo dõi phù phổi - Có chức năng tự động tạo nhịp vượt tần số điều trị loạn nhịp nhĩ - Có 2 tính năng giảm tạo nhịp thất - Có chứng nhận CE hoặc FDA	5	Bộ	Hộp 1 bộ	Châu Mỹ/ Châu Âu/ Đông Nam Á	
58	Máy theo dõi nhịp tim cấy vào cơ thể	- Máy theo dõi nhịp tim cấy vào cơ thể - Có chứng nhận FDA hoặc CE	5	Bộ	Hộp 1 cái	Châu Mỹ/ Nhóm nước G7/ Đông Nam Á	
59	Bộ máy tạo nhịp phá rung ICD 1 buồng, năng lượng phát sốc 40J	- Bộ máy tạo nhịp phá rung ICD 1 buồng (gồm 1 thân máy, 1 dây điện cực sốc, 1 introducer) - Tương thích MRI toàn thân 1.5 Tesla - Năng lượng phát sốc 40J, năng lượng dự trữ 45J - Thời lượng pin trung bình ≥ 7 năm - Chuẩn kết nối DF4 - Có chứng nhận CE hoặc FDA	7	Bộ	Hộp 1 bộ	Châu Mỹ/ Nhóm nước G7/ Đông Nam Á	
60	Bộ máy tạo nhịp phá rung ICD 1 buồng, giao tiếp không dây	- Bộ máy tạo nhịp phá rung ICD 1 buồng (gồm 1 thân máy, 1 dây điện cực sốc, 1 introducer) - Tương thích MRI toàn thân 1.5 Tesla và 3.0 Tesla - Năng lượng phát sốc 36J, năng lượng dự trữ 39J - Có kết nối không dây và theo dõi qua ứng dụng điện thoại - Thời lượng pin trung bình ≥ 7 năm - Chuẩn kết nối DF4 - Có chứng nhận CE hoặc FDA	5	Bộ	Hộp 1 bộ	Châu Mỹ/ Nhóm nước G7/ Đông Nam Á	
61	Bộ máy tạo nhịp phá rung ICD 1 buồng, có kết nối không dây, phần mềm theo dõi tại nhà (Chuẩn DF4)	- Bộ máy tạo nhịp phá rung ICD 1 buồng (gồm 1 thân máy, 1 dây điện cực sốc, 1 introducer) - Tương thích MRI 1.5 Tesla và 3.0 Tesla toàn thân - Năng lượng phát sốc 40J - Kết nối không dây, có phần mềm theo dõi tại nhà - Thời lượng pin trung bình ≥ 7 năm - Chuẩn kết nối DF4 - Có chứng nhận CE hoặc FDA	9	Bộ	Hộp 1 bộ	Châu Mỹ/ Nhóm nước G7/ Đông Nam Á	
62	Bộ máy tạo nhịp phá rung ICD 1 buồng, có kết nối không dây, phần mềm theo dõi tại nhà (Chuẩn DF1)	- Bộ máy tạo nhịp phá rung ICD 1 buồng (gồm 1 thân máy, 1 dây điện cực sốc, 1 introducer) - Tương thích MRI toàn thân 1.5 Tesla và 3.0 Tesla - Kết nối không dây, có phần mềm theo dõi tại nhà - Thời lượng pin trung bình ≥ 7 năm - Chuẩn kết nối DF1 - Năng lượng phát sốc 40J - Có chứng nhận CE hoặc FDA	2	Bộ	Hộp 1 bộ	Châu Mỹ/ Nhóm nước G7/ Đông Nam Á	
63	Bộ máy tạo nhịp phá rung ICD 1 buồng, có chức năng gọi ý thông số lập trình	- Bộ máy tạo nhịp phá rung ICD 1 buồng (gồm: 1 thân máy, 1 dây điện cực sốc, 1 introducer) - Thời lượng pin trung bình ≥ 7 năm - Tương thích MRI 1,5T và 3T toàn thân - Có chức năng gọi ý thông số lập trình - Chuẩn kết nối DF4/DF1 - Có chứng nhận FDA hoặc CE	10	Bộ	Hộp 1 bộ	Châu Mỹ/ Châu Âu/ Đông Nam Á	
64	Bộ máy tạo nhịp phá rung ICD 1 buồng, thiết kế giảm áp lực lên ngực bệnh nhân	- Bộ máy tạo nhịp phá rung ICD 1 buồng (gồm: 1 thân máy, 1 dây điện cực sốc, 1 introducer) - Thời lượng pin trung bình ≥ 7 năm - Tương thích MRI toàn thân 1.5 Tesla và 3.0 Tesla - Có thiết kế giảm tối đa áp lực lên ngực bệnh nhân - Kết nối không dây, có phần mềm theo dõi tại nhà - Chuẩn kết nối DF4/DF1 - Có chứng nhận FDA hoặc CE	1	Bộ	Hộp 1 bộ	Châu Mỹ/ Châu Âu/ Đông Nam Á	

STT	Danh mục vật tư	Thông số kỹ thuật yêu cầu cần đạt tối thiểu	Số lượng	Đơn vị tính	Quy cách đóng gói tối thiểu	Xuất xứ	Ghi chú
65	Bộ máy tạo nhịp phá rung ICD 1 buồng, kích thước nhỏ	- Bộ máy tạo nhịp phá rung ICD 1 buồng (gồm: 1 thân máy, 1 dây điện cực sốc, 1 introducer) - Thể tích máy ≤ 27cc, độ dày ≤ 10mm - Chuẩn kết nối DF4	2	Bộ	Hộp 1 bộ	Châu Mỹ/ Châu Âu/ Đông Nam Á	
66	Bộ máy tạo nhịp phá rung ICD 2 buồng, có kết nối không dây và phần mềm theo dõi tại nhà	- Bộ máy tạo nhịp phá rung ICD 2 buồng (gồm 1 thân máy, 1 dây điện cực tạo nhịp, 1 dây điện cực sốc, 2 introducer) - Thời lượng pin trung bình ≥ 7 năm - Tương thích MRI 1.5 Tesla và 3 Tesla toàn thân - Có kết nối không dây, có phần mềm theo dõi tại nhà - Chuẩn kết nối DF4 - Có chứng nhận CE hoặc FDA	1	Bộ	Hộp 1 bộ	Châu Mỹ/ Nhóm nước G7/ Đông Nam Á	
67	Bộ máy tạo nhịp phá rung ICD 2 buồng, thiết kế giảm áp lực lên ngực bệnh nhân	- Bộ máy tạo nhịp phá rung ICD 2 buồng (gồm 1 thân máy, 1 dây điện cực tạo nhịp, 1 dây điện cực sốc, 2 introducer) - Thời lượng pin trung bình ≥ 7 năm - Tương thích MRI 1.5 Tesla và 3 Tesla toàn thân - Có thiết kế giảm tối đa áp lực lên ngực bệnh nhân - Chuẩn kết nối DF4/DF1. - Có chứng nhận FDA hoặc CE	1	Bộ	1 Bộ/ Hộp	Châu Mỹ/ Châu Âu/ Đông Nam Á	
68	Bộ máy tạo nhịp phá rung ICD 2 buồng, năng lượng phát sốc 36J	- Bộ máy tạo nhịp phá rung ICD 2 buồng (gồm 1 thân máy, 1 dây điện cực tạo nhịp, 1 dây điện cực sốc, 2 introducer) - Tương thích MRI 1.5 Tesla toàn thân - Năng lượng phát sốc 36J - Thời lượng pin trung bình ≥ 7 năm - Chuẩn kết nối DF4 - Có chứng nhận CE hoặc FDA	1	Bộ	Hộp 1 bộ	Châu Mỹ/ Nhóm nước G7/ Đông Nam Á	
69	Bộ máy tạo nhịp tái đồng bộ tim 3 buồng, có thể tích máy nhỏ, sử dụng dây thất trái 4 cực	- Bộ máy tạo nhịp tái đồng bộ tim 3 buồng (gồm: 1 thân máy, 2 dây điện cực tạo nhịp, 1 dây điện cực thất trái, 3 introducer) - Tương thích MRI toàn thân - Dây thất trái 4 điện cực, tạo thành ≥ 14 vector tạo nhịp - Chức năng theo dõi điện trở lồng ngực - Thể tích máy ≤ 15cc - Có chứng nhận CE hoặc FDA	5	Bộ	Hộp 1 bộ	Châu Mỹ/ Nhóm nước G7/ Đông Nam Á	
70	Bộ máy tạo nhịp tái đồng bộ tim 3 buồng, có thể tích máy nhỏ, sử dụng dây thất trái 2 cực	- Bộ máy tạo nhịp tái đồng bộ tim 3 buồng (gồm: 1 thân máy, 2 dây điện cực tạo nhịp, 1 dây điện cực thất trái, 3 introducer) - Dây thất trái 2 điện cực - Chức năng theo dõi điện trở lồng ngực - Thể tích máy ≤ 15cc - Có chứng nhận CE hoặc FDA	1	Bộ	Hộp 1 bộ	Châu Mỹ/ Nhóm nước G7/ Đông Nam Á	
71	Bộ máy tạo nhịp tái đồng bộ tim 3 buồng, có kết nối không dây, đo trở kháng lồng ngực, có chức năng theo dõi từ xa	- Bộ máy tạo nhịp tái đồng bộ tim 3 buồng (gồm: 1 thân máy, 2 dây điện cực tạo nhịp, 1 dây điện cực thất trái, 3 introducer) - Tương thích MRI toàn thân - Có kết nối không dây, đo trở kháng lồng ngực, có chức năng theo dõi tại nhà. - Thể tích máy ≤ 16cc - Dây điện cực thất trái 4 cực - Có chứng nhận CE hoặc FDA	5	Bộ	Hộp 1 bộ	Châu Mỹ/ Nhóm nước G7/ Đông Nam Á	
72	Máy tạo nhịp tái đồng bộ tim 3 buồng, có thể chọn từ ≥ 5 véc-tơ tạo nhịp thất trái	- Máy tạo nhịp tái đồng bộ tim 3 buồng - Tương thích MRI toàn thân 1.5 Tesla và 3.0 Tesla - Có kết nối không dây, đo trở kháng lồng ngực, có chức năng theo dõi tại nhà. - Có thể chọn từ ≥ 5 véc-tơ tạo nhịp thất trái - Có chứng nhận CE hoặc FDA	1	Cái	Hộp 1 bộ	Châu Mỹ/ Nhóm nước G7/ Đông Nam Á	

STT	Danh mục vật tư	Thông số kỹ thuật yêu cầu cần đạt tối thiểu	Số lượng	Đơn vị tính	Quy cách đóng gói tối thiểu	Xuất xứ	Ghi chú
73	Bộ máy tạo nhịp tái đồng bộ tim 3 buồng, có tính năng gọi ý thông số lập trình	- Bộ máy tạo nhịp tái đồng bộ tim 3 buồng (gồm: 1 thân máy, 2 dây điện cực tạo nhịp, 1 dây điện cực thất trái, 3 introducer) - Tương thích MRI toàn thân 1.5 Tesla và 3.0 Tesla - Có chức năng gọi ý thông số lập trình - Tính năng theo dõi dịch trong phổi nhằm giúp chẩn đoán sớm suy tim. - Có chứng nhận CE hoặc FDA	6	Bộ	Hộp 1 bộ	Châu Mỹ/ Châu Âu/ Đông Nam Á	
74	Bộ máy tạo nhịp tái đồng bộ tim 3 buồng có phá rung, có kết nối không dây, phần mềm theo dõi từ nhà	- Bộ máy tạo nhịp tái đồng bộ tim 3 buồng có phá rung (gồm: 1 thân máy, 1 dây điện cực tạo nhịp, 1 dây điện cực sốc, 1 dây điện cực thất trái, 3 introducer) - Tương thích MRI 1.5 Tesla và 3 Tesla toàn thân - Năng lượng phát sốc $\geq 36J$ - Có chương trình theo dõi từ nhà và kết nối không dây. - Chuẩn kết nối DF4	1	Bộ	Hộp 1 bộ	Châu Mỹ/ Nhóm nước G7/ Đông Nam Á	
75	Bộ máy tạo nhịp tái đồng bộ tim 3 buồng có phá rung, năng lượng phát sốc 40J	- Bộ máy tạo nhịp tái đồng bộ tim 3 buồng có phá rung (gồm: 1 thân máy, 1 dây điện cực tạo nhịp, 1 dây điện cực sốc, 1 dây điện cực thất trái, 3 introducer) - Tương thích MRI toàn thân 1.5 Tesla - Theo dõi điện trở lồng ngực giúp phát hiện phù phổi - Năng lượng phát sốc 40J - Chuẩn kết nối DF4 - Có chứng nhận CE hoặc FDA	1	Bộ	Hộp 1 bộ	Châu Mỹ/ Nhóm nước G7/ Đông Nam Á	
76	Bộ máy tạo nhịp tái đồng bộ tim 3 buồng có phá rung, có thiết kế giảm áp lực lên ngực bệnh nhân	- Bộ máy tạo nhịp tái đồng bộ tim 3 buồng có phá rung (gồm: 1 thân máy, 1 dây điện cực tạo nhịp, 1 dây điện cực sốc, 1 dây điện cực thất trái, 3 introducer) - Tương thích MRI toàn thân 1.5 Tesla và 3 Tesla - Năng lượng phát sốc 40J - Có chức năng gọi ý thông số lập trình - Có thiết kế giảm tối đa áp lực lên ngực bệnh nhân - Chuẩn kết nối DF1/DF4 - Có chứng nhận CE hoặc FDA	1	Bộ	Hộp 1 bộ	Châu Mỹ/ Châu Âu/ Đông Nam Á	
77	Dây điện cực thượng tâm mạc	- Dây điện cực lưỡng cực thượng tâm mạc dài tối đa 35cm - Có chứng nhận CE hoặc FDA	2	Cái	Hộp 1 cái	Châu Mỹ/ Nhóm nước G7/ Đông Nam Á	
78	Điện cực tạo nhịp tạm thời	- Ống thông Polyurethane chống huyết khối - Đầu điện cực có bóng - Dây điện cực $\leq 110cm$, có marker - Có chứng nhận CE hoặc FDA	20	Cái	Hộp 5 bộ	Châu Mỹ/ Châu Âu/ Đông Nam Á	
79	Điện cực tạo nhịp bó His	- Điện cực tạo nhịp bó His có điện cực xoắn cố định, giúp dò tìm His trong quá trình cấy. - Kích thước dây nhỏ 4.1F - Có chứng nhận FDA hoặc CE	30	Cái	Hộp 1 cái	Châu Mỹ/ Châu Âu/ Đông Nam Á	
80	Bộ dụng cụ hỗ trợ tạo nhịp bó HIS, bó nhánh trái	- Bộ phụ kiện dùng cho điện cực tạo nhịp bó HIS, bó nhánh trái với nhiều đầu cong, phủ lớp ái nước bên trong	30	Bộ	Hộp 1 Bộ	Châu Mỹ/ Nhóm nước G7/ Đông Nam Á	
81	Catheter dẫn hướng đưa dây điện cực tạo nhịp vào đường dẫn truyền	- Catheter tạo nhịp hệ thống dẫn truyền gồm: catheter, que nong, dây dẫn 0.035", dao mổ - Chiều dài tối đa $\geq 45cm$ - Có chứng nhận FDA hoặc CE	30	Bộ	Hộp 1 bộ	Châu Mỹ/ Nhóm nước G7/ Đông Nam Á	
82	Dây điện cực sốc	- Dạng xoắn, cố định chủ động - Tương thích MRI 3 tesla - Chuẩn kết nối DF4 - Đường kính thân điện cực $\leq 7F$	2	Cái	Hộp 1 cái	Châu Mỹ/ Nhóm nước G7/ Đông Nam Á	

STT	Danh mục vật tư	Thông số kỹ thuật yêu cầu cần đạt tối thiểu	Số lượng	Đơn vị tính	Quy cách đóng gói tối thiểu	Xuất xứ	Ghi chú
83	Miếng dán điện cực cảm ứng lên tới 7 ngày	- Miếng dán điện cực theo dõi điện tim có thời gian ghi ≥ 7 ngày	100	Cái	Hộp 1 cái	Châu Mỹ/ Nhóm nước G7/ Đông Nam Á	
84	Bộ dụng cụ mở đường vào mạch máu	- Bộ dụng cụ mở đường vào mạch máu chất liệu PVC và silicone gồm: Kim chọc mạch, dây dẫn, sheath, dilator, dao mổ. - Tương thích dây dẫn 0.018", 0.035" - Đường kính ngoài $\leq 8F$ - Có chứng nhận FDA hoặc CE	3000	Bộ	Túi 1 cái	Châu Mỹ/ Nhóm nước G7/ Đông Nam Á	
85	Dụng cụ mở đường vào mạch máu, có van cầm máu	- Dụng cụ mở đường vào mạch máu, có van cầm máu - Đường kính ngoài $\leq 8F$ - Chiều dài $\geq 12cm$ - Có chốt khóa cầm máu - Đường kính dây dẫn đường tối đa 0.038" - Có chứng nhận FDA hoặc CE	1500	Cái	Hộp 10 cái	Châu Mỹ/ Nhóm nước G7/ Đông Nam Á	
86	Dụng cụ mở đường vào mạch máu loại dài	- Dụng cụ mở đường vào mạch máu loại dài, có van cầm máu - Đường kính ngoài $\geq 8F$ - Chiều dài tối thiểu 63cm - Dây dẫn đường dài $\geq 180cm$, đường kính dây dẫn đường tối đa 0.032" - Có chứng nhận FDA hoặc CE	1000	Cái	Hộp 1 cái	Châu Mỹ/ Nhóm nước G7/ Đông Nam Á	
87	Dụng cụ mở đường vào mạch máu loại dài, có lái hướng	- Dụng cụ mở đường vào mạch máu loại dài, lái hướng, có van cầm máu - Đường kính trong $\leq 8.5F$, đường kính ngoài $\geq 11.5F$. - Chiều dài sheath tối thiểu 71cm - Đường kính dây dẫn tối đa 0.032" - Có chứng nhận FDA hoặc CE	20	Cái	Hộp 1 cái	Châu Mỹ/ Nhóm nước G7/ Đông Nam Á	
88	Ống dẫn catheter uốn cong hai hướng	- Ống dẫn catheter uốn cong hai hướng, $\leq 180^\circ$, tích hợp 04 điện cực - Đường kính trong $\leq 8.5F$ - Chiều dài $\leq 71cm$ - Tương thích với catheter thăm dò điện sinh lý tim 3D cảm biến từ trường - Có chứng nhận CE hoặc FDA	10	Cái	Hộp 1 bộ	Châu Mỹ/ Châu Âu/ Đông Nam Á	
89	Kim chọc vách liên nhĩ	- Kim chọc vách liên nhĩ, gồm kim chọc vách và stylet bằng thép không gỉ. - Kim chọc vách: Góc xiên 50° . Chiều dài tối đa 98 cm. Kích thước ≤ 18 ga. - Stylet: mỏng, đường kính đầu xa của stylet ≤ 0.35 mm - Có chứng nhận FDA hoặc CE	250	Cái	Hộp 1 cái	Châu Mỹ/ Nhóm nước G7/ Đông Nam Á	
90	Catheter chẩn đoán loại 4 điện cực với nhiều kiểu cong	- Catheter chẩn đoán loại 4 điện cực với nhiều đầu cong - Đường kính 4F, 5F, 6F - Chiều dài $\geq 120cm$ - Có chứng nhận FDA hoặc CE	450	Cái	Hộp 1 cái	Châu Mỹ/ Nhóm nước G7/ Đông Nam Á	
91	Catheter chẩn đoán loại 4 điện cực đầu mềm với kiểu cong cố định	- Catheter chẩn đoán 4 điện cực đầu mềm với kiểu cong cố định - Đầu điện cực phù hợp kim Platinum - Iridium - Chiều dài đầu Tip: $\geq 1.5mm$ - Bề rộng điện cực: $\geq 1.5mm$ - Đường kính 5F, 6F - Chiều dài $< 120cm$ - Có chứng nhận FDA hoặc CE	450	Cái	1 cái/ hộp	Châu Mỹ/ Nhóm nước G7/ Đông Nam Á	
92	Catheter chẩn đoán loại 10 điện cực	- Catheter chẩn đoán 10 điện cực với kiểu cong: CSL - Đường kính 4F, 5F - Thân dạng bện, đầu catheter mềm không bện - Bề rộng điện cực $\leq 1mm$, đầu điện cực $\leq 2mm$ - Chiều dài từ 65cm hoặc 120cm - Có chứng nhận FDA hoặc CE	250	Cái	Hộp 1 cái	Châu Mỹ/ Nhóm nước G7/ Đông Nam Á	

STT	Danh mục vật tư	Thông số kỹ thuật yêu cầu cần đạt tối thiểu	Số lượng	Đơn vị tính	Quy cách đóng gói tối thiểu	Xuất xứ	Ghi chú
93	Catheter chẩn đoán loại 10 điện cực cỡ 5F, 6F	- Catheter chẩn đoán loại 10 điện cực các kiểu cong: CS, Josephson, Courmand, Damato, Elmhurst... - Đường kính 5F, 6F - Chiều dài từ 65cm đến 115cm - Đầu điện cực phù hợp kim PtIr - Có chứng nhận FDA hoặc CE	250	Cái	Hộp 1 cái	Châu Mỹ/ Châu Âu/ Đông Nam Á	
94	Catheter chẩn đoán 10 điện cực lái hướng	- Catheter chẩn đoán 10 điện cực lái hướng - Đường kính $\leq 6F$ - Chiều dài $\leq 110cm$ - Có cấu trúc tay lái: dạng kéo-đẩy - Có chứng nhận FDA và CE	10	Cái	Hộp 1 cái	Châu Mỹ/ Châu Âu/ Đông Nam Á	
95	Catheter chẩn đoán 10 điện cực lái hướng, có khoá tự động	- Catheter chẩn đoán 10 điện cực, tay cầm trợ lực lái hướng. - Đường kính 5F, 6F, 7F - Đầu catheter mềm, không bền - Bề rộng điện cực $\leq 1mm$, đầu điện cực $\leq 2mm$ - Chiều dài tối đa $\geq 115 cm$ - Có chứng nhận CE hoặc FDA	10	Cái	Hộp 1 cái	Châu Mỹ/ Nhóm nước G7/ Đông Nam Á	
96	Catheter chẩn đoán 20 điện cực lái hướng, tay cầm có khóa	- Catheter chẩn đoán 20 điện cực, tay cầm trợ lực lái hướng. - Đường kính $\geq 7F$ - Đầu catheter mềm, không bền - Bề rộng điện cực $\leq 1mm$, đầu điện cực $\leq 2mm$ - Chiều dài tối đa $\geq 115cm$ - Có chứng nhận CE hoặc FDA	20	Cái	Hộp 1 bộ	Châu Mỹ/ Nhóm nước G7/ Đông Nam Á	
97	Catheter chẩn đoán 20 điện cực lái hướng	- Catheter chẩn đoán 20 điện cực phù hợp kim Platinum - Iridium, tay cầm trợ lực lái hướng. - Đường kính $\geq 7F$ - Chiều dài điện cực thân $> 1mm$ - Chiều dài $\leq 110cm$ - Có chứng nhận CE hoặc FDA	10	Cái	Hộp 1 cái	Châu Mỹ/ Nhóm nước G7/ Đông Nam Á	
98	Catheter lập bản đồ 3D dạng vòng 10 hoặc 20 điện cực	- Catheter lập bản đồ 3D dạng vòng 10 hoặc 20 điện cực, lái hướng 180 độ - Đường kính $\geq 7F$ - Kích thước vòng tối đa 20 mm - Bề rộng điện cực $\leq 1 mm$, đầu điện cực $\leq 2 mm$. - Chiều dài tối thiểu $\leq 110cm$ - Tương thích hệ thống lập bản đồ buồng tim 3D Ensite - Có chứng nhận FDA hoặc CE	40	Cái	Hộp 1 cái	Châu Mỹ/ Nhóm nước G7/ Đông Nam Á	
99	Catheter lập bản đồ 3D dạng vòng 10 hoặc 20 điện cực, 2 hướng	- Catheter lập bản đồ 3D dạng vòng 10 hoặc 20 điện cực, 2 hướng, lái 2 hướng bất đối xứng - Đường kính $> 7F$ - Kích thước vòng tối đa 20mm - Bề rộng điện cực $\leq 1mm$, đầu điện cực $\leq 2mm$. - Chiều dài tối thiểu $\leq 110 cm$ - Tương thích hệ thống lập bản đồ buồng tim 3D Ensite - Có chứng nhận FDA hoặc CE	80	Cái	Hộp 1 cái	Châu Mỹ/ Nhóm nước G7/ Đông Nam Á	
100	Catheter lập bản đồ 3D dạng vi	- Catheter lập bản đồ 3D dạng vi có cảm ứng từ trường, lái 2 hướng bất đối xứng - Đường kính $\geq 8F$ - Bề rộng điện cực $\leq 1mm$ - Chiều dài $\leq 110cm$ - Tương thích hệ thống lập bản đồ buồng tim 3D Ensite - Có chứng nhận FDA hoặc CE	40	Cái	Hộp 1 cái	Châu Mỹ/ Nhóm nước G7/ Đông Nam Á	
101	Catheter lập bản đồ tim 3D loại 22 điện cực	- Catheter lập bản đồ tim 3D loại 22 điện cực, cảm biến từ trường, kích thước mỗi điện cực $\leq 1mm$ - Có 5 nhánh, mỗi nhánh $\leq 3F$ - Đường kính $\leq 7F$ - Chiều dài $\leq 115cm$ - Có chứng nhận CE hoặc FDA	70	Cái	Hộp 1 bộ	Châu Mỹ/ Châu Âu/ Đông Nam Á	

STT	Danh mục vật tư	Thông số kỹ thuật yêu cầu cần đạt tối thiểu	Số lượng	Đơn vị tính	Quy cách đóng gói tối thiểu	Xuất xứ	Ghi chú
102	Catheter lập bản đồ tim 3D loại 48 điện cực	- Catheter lập bản đồ tim 3D loại 48 điện cực, cảm biến từ trường - Có 8 nhánh - Đường kính $\leq 8F$ - Có chứng nhận CE hoặc FDA	10	Cái	Hộp 1 cái	Châu Mỹ/ Châu Âu/ Đông Nam Á	
103	Catheter lập bản đồ tim 3D loại 10 cực	- Catheter lập bản đồ tim 3D loại 10 cực, có cảm biến từ trường, đầu điện cực dài $\leq 2mm$ - Đường kính $\leq 7F$ - Chiều dài $\leq 115cm$ - Có chứng nhận CE hoặc FDA	5	Cái	Hộp 1 cái	Châu Mỹ/ Châu Âu/ Đông Nam Á	
104	Catheter đốt đầu cong 270 độ	- Catheter điều trị rối loạn nhịp với đường kính 7F, cong 270 độ, đường cong khép kín. - Có chứng nhận CE hoặc FDA	500	Cái	Hộp 1 cái	Châu Mỹ/ Nhóm nước G7/ Đông Nam Á	
105	Catheter đốt đầu uốn cong 1 hướng	- Catheter đốt đầu uốn cong 1 hướng - Đường kính 5F, 7F - Có thể uốn cong đầu catheter với các mức độ khác nhau - Bề rộng điện cực $\leq 2mm$, đầu điện cực $\leq 4mm$ - Chiều dài $\geq 110cm$ - Có chứng nhận FDA hoặc CE	30	Cái	Hộp 1 cái	Châu Mỹ/ Nhóm nước G7/ Đông Nam Á	
106	Catheter cắt đốt điện sinh lý tim 3D, đầu uốn cong 1 hướng	- Catheter cắt đốt điện sinh lý tim 3D, đầu uốn cong 1 hướng - Đường kính $\geq 7F$ - Tích hợp cảm biến từ trường dẫn hướng, hỗ trợ lập bản đồ điện sinh lý tim 3D - Chiều dài $\geq 115cm$ - Có chứng nhận CE hoặc FDA	100	Cái	Hộp 1 bộ	Châu Mỹ/ Châu Âu/ Đông Nam Á	
107	Catheter cắt đốt điện sinh lý tim 3D, đầu uốn cong 2 hướng	- Catheter cắt đốt điện sinh lý tim 3D, đầu uốn cong 2 hướng - Đường kính $\geq 7F$ - Tích hợp cảm biến từ trường dẫn hướng, hỗ trợ lập bản đồ điện sinh lý tim 3D - Chiều dài $\geq 115cm$ - Có chứng nhận CE hoặc FDA	50	Cái	Hộp 1 cái	Châu Mỹ/ Châu Âu/ Đông Nam Á	
108	Catheter đốt đầu uốn cong 2 hướng	- Catheter đốt đầu uốn cong 2 hướng, nhiều góc khác nhau khóa lái hướng tự động - Đường kính $\geq 7F$ - Theo dõi nhiệt độ thông qua điện trở nhiệt và cặp nhiệt điện - Bề rộng điện cực $\leq 1mm$, đầu điện cực $\leq 4mm$ hoặc $\leq 8mm$ - Chiều dài $\geq 115cm$ - Có chứng nhận FDA hoặc CE	200	Cái	Hộp 1 cái	Châu Mỹ/ Nhóm nước G7/ Đông Nam Á	
109	Catheter đốt loạn nhịp đầu uốn cong hai hướng	- Catheter đốt loạn nhịp đầu uốn cong hai hướng - Đường kính $\geq 7F$ - Có nhiều kiểu cong: Standard, Large, Asymmetric... - Thiết kế cuộn dây lái vòng quanh đĩa lái - Đầu điện cực $\leq 4mm$ hoặc $\leq 8mm$ - Bề rộng điện cực $\geq 2mm$ - Chiều dài $\leq 110cm$ - Có chứng nhận FDA hoặc CE	150	Cái	Hộp 1 cái	Châu Mỹ/ Nhóm nước G7/ Đông Nam Á	
110	Catheter cắt đốt điện sinh lý tim 3D với 56 lỗ làm mát	- Catheter cắt đốt điều trị rối loạn nhịp tim bằng RF, đầu uốn cong 02 hướng cảm ứng lực với 56 lỗ làm mát, tích hợp cảm ứng từ trường - Đường kính $\leq 8F$ - Chiều dài $\leq 115cm$ - Đầu điện cực $\leq 3.5mm$ - Có chứng nhận CE hoặc FDA	100	Cái	Hộp 1 bộ	Châu Mỹ/ Châu Âu/ Đông Nam Á	

STT	Danh mục vật tư	Thông số kỹ thuật yêu cầu cần đạt tối thiểu	Số lượng	Đơn vị tính	Quy cách đóng gói tối thiểu	Xuất xứ	Ghi chú
111	Catheter cắt đốt điện sinh lý tim 3D có lỗ làm mát với 6 cặp nhiệt điện	- Catheter cắt đốt điện sinh lý tim 3D có lỗ làm mát với 6 cặp nhiệt điện - Có 3 vi điện cực cung cấp điện tâm đồ độ phân giải cao - Đường kính $\leq 8F$ - Chiều dài $\leq 115cm$ - Đầu điện cực $\leq 3.5mm$ - Có chứng nhận CE hoặc FDA	10	Cái	Hộp 1 cái	Châu Mỹ/ Châu Âu/ Đông Nam Á	
112	Catheter đốt cảm biến lực, có cảm biến từ trường, có lỗ tưới nước muối	- Catheter đốt cảm biến lực, có cảm biến từ trường, có 6 lỗ tưới nước muối - Đường kính $\geq 8F$ - Có 4 điện cực, đầu điện cực $\leq 4mm$ - Tay cầm lái hướng có khóa, tích hợp cấp nổi - Cảm biến lực sử dụng công nghệ giao thoa ánh sáng - Chiều dài $\geq 110cm$ - Có chứng nhận FDA hoặc CE	120	Cái	Hộp 1 cái	Châu Mỹ/ Nhóm nước G7/ Đông Nam Á	
113	Catheter đốt đầu uốn cong 2 hướng, có các rãnh dẫn nước muối bao quanh đầu điện cực	- Catheter đốt đầu uốn cong 2 hướng, có các rãnh dẫn nước muối bao quanh đầu điện cực - Đầu uốn cong 2 hướng đối xứng hoặc bất đối xứng - Đường kính $\geq 8F$ - Đầu điện cực $\leq 4mm$ - Có rãnh tưới dung dịch bao xung quanh và 4 lỗ tưới ở đầu điện cực - Chiều dài $\geq 115cm$ - Có chứng nhận FDA hoặc CE	50	Cái	Hộp 1 cái	Châu Mỹ/ Nhóm nước G7/ Đông Nam Á	
114	Catheter đốt đầu uốn cong 1 hướng, có các rãnh dẫn nước muối bao quanh đầu điện cực	- Catheter đốt đầu uốn cong 1 hướng, có các rãnh dẫn nước muối bao quanh đầu điện cực - Đường kính $\geq 8F$ - Đầu điện cực $\leq 4mm$ - Có rãnh tưới dung dịch bao xung quanh và 4 lỗ tưới ở đầu điện cực - Chiều dài $\geq 115cm$ - Có chứng nhận FDA hoặc CE	10	Cái	Hộp 1 cái	Châu Mỹ/ Nhóm nước G7/ Đông Nam Á	
115	Bộ dụng cụ điều trị rung nhĩ bằng phương pháp áp bóng lạnh	* Bộ dụng cụ điều trị rung nhĩ gồm: - Catheter đốt rung nhĩ sử dụng công nghệ EvenCoolTM Cryo hoặc tương đương: + Đường kính ngoài thân catheter $\leq 10.5F$ + Chiều dài tổng: $\leq 140cm$ - Catheter định vị dạng vòng 8 cực, đường kính $\leq 3.3F$, chiều dài $\leq 165cm$ - Dụng cụ mở đường thiết diện lòng trong $\geq 12F$, thiết diện ngoài $\leq 15F$, chiều dài $\geq 65cm$, cong $\leq 135^\circ$ - Kèm cáp kết nối tương thích	10	Bộ	Hộp 1 bộ	Châu Mỹ/ Châu Âu/ Đông Nam Á	
116	Cáp nối ống dẫn catheter uốn cong hai hướng	- Cáp nối ống dẫn catheter uốn cong hai hướng, tích hợp 04 điện cực với hệ thống lập bản đồ điện sinh lý tim 3D - Chiều dài $\leq 3m$ - Tương thích ống dẫn catheter uốn cong hai hướng - Có chứng nhận CE hoặc FDA	10	Cái	Hộp 1 bộ	Châu Mỹ/ Châu Âu/ Đông Nam Á	
117	Cáp nối cho catheter chẩn đoán loại 4 điện cực	- Cáp nối cho catheter chẩn đoán 4 điện cực - Đầu nối chân cắm điện cực được bao phủ 2mm. - Chân cắm mạ vàng 24K. - Chiều dài $\geq 150cm$	250	Cái	Hộp 1 cái	Không áp dụng	
118	Cáp nối cho catheter chẩn đoán loại 4 điện cực đầu mềm với kiểu cong cố định	- Cáp nối tương thích với catheter chẩn đoán loại 04 điện cực đầu mềm với kiểu cong cố định, chiều dài tối đa 210cm - Có chứng nhận FDA hoặc CE	200	Cái	1 cái/ hộp	Châu Mỹ/ Nhóm nước G7/ Đông Nam Á	
119	Cáp nối cho catheter chẩn đoán loại 10 điện cực	- Cáp nối cho catheter chẩn đoán 10 điện cực - Đầu nối chân cắm điện cực được bao phủ 2mm. - Chân cắm mạ vàng 24K. - Chiều dài $\geq 150cm$	150	Cái	Hộp 1 cái	Không áp dụng	

STT	Danh mục vật tư	Thông số kỹ thuật yêu cầu cần đạt tối thiểu	Số lượng	Đơn vị tính	Quy cách đóng gói tối thiểu	Xuất xứ	Ghi chú
120	Cáp nối dùng cho catheter chẩn đoán 10 điện cực loại 5F, 6F	- Cap nối tương thích với catheter chẩn đoán loại 10 điện cực, chiều dài tối đa 210cm - Có chứng nhận FDA hoặc CE	100	Cái	Hộp 1 cái	Châu Mỹ/ Nhóm nước G7/ Đông Nam Á	
121	Cáp nối cho catheter chẩn đoán 10 hoặc 20 điện cực lái hướng	- Cap nối cho catheter chẩn đoán lái hướng - Đầu nối chân cắm điện cực được bao phủ 2mm, chân cắm mạ vàng 24K - Chiều dài tối đa 210cm	10	Cái	Hộp 1 cái	Không áp dụng	
122	Cáp nối cho catheter chẩn đoán 20 điện cực lái hướng	- Cap nối tương thích catheter chẩn đoán lái hướng - Chiều dài < 210cm - Có chứng nhận FDA hoặc CE	5	Cái	Hộp 1 cái	Châu Mỹ/ Nhóm nước G7/ Đông Nam Á	
123	Cáp nối cho catheter lập bản đồ dạng vòng	- Tương thích với các loại catheter lập bản đồ dạng vòng - Tương thích hệ thống lập bản đồ buồng tim 3D Ensite	50	Cái	Hộp 1 cái	Không áp dụng	
124	Cáp nối catheter lập bản đồ dạng vòng với hệ thống lập bản đồ tim 3 chiều	- Cap nối catheter lập bản đồ tim 3 chiều dạng vòng có cảm biến tích hợp với bộ khuếch đại hệ thống lập bản đồ tim 3 chiều - Chiều dài ≥ 350cm - 12 chân cắm - Có chứng nhận FDA hoặc CE	50	Cái	Hộp 1 cái	Không áp dụng	
125	Cáp nối cho catheter lập bản đồ dạng vi	- Tương thích với các loại catheter lập bản đồ dạng vi - Tương thích hệ thống lập bản đồ buồng tim 3D Ensite	15	Cái	Hộp 1 cái	Không áp dụng	
126	Cáp nối catheter lập bản đồ mật độ điểm cao với hệ thống lập bản đồ tim 3 chiều	- Cap nối catheter lập bản đồ tim mật độ cao có cảm biến tích hợp với bộ khuếch đại hệ thống lập bản đồ tim 3 chiều - Chiều dài ≥ 350cm - 22 chân cắm - Có chứng nhận FDA hoặc CE	15	Cái	Hộp 1 cái	Không áp dụng	
127	Cáp nối catheter lập bản đồ điện sinh lý tim 3D mật độ cao	- Cap nối trung gian giữa catheter lập bản đồ điện sinh lý tim 3D, loại 22 điện cực với hệ thống lập bản đồ 3D - Chiều dài ≤ 40cm - Có chứng nhận CE hoặc FDA	10	Cái	Hộp 1 cái	Không áp dụng	
128	Cáp nối catheter lập bản đồ điện sinh lý tim loại 22 điện cực	- Cap nối catheter thăm dò điện sinh lý tim với hệ thống lập bản đồ điện sinh lý tim 3D - Chiều dài ≤ 2.7m - Tương thích với catheter lập bản đồ loại 22 điện cực - Có chứng nhận CE hoặc FDA	40	Cái	Hộp 1 cái	Châu Mỹ/ Châu Âu/ Đông Nam Á	
129	Cáp nối catheter lập bản đồ điện sinh lý tim loại 48 điện cực	- Cap nối catheter thăm dò điện sinh lý tim với hệ thống lập bản đồ điện sinh lý tim 3D - Chiều dài ≥ 10ft - Tương thích với catheter lập bản đồ loại 48 điện cực - Có chứng nhận CE hoặc FDA	10	Cái	Hộp 1 cái	Châu Mỹ/ Châu Âu/ Đông Nam Á	
130	Cáp nối catheter lập bản đồ điện sinh lý 3D tim loại 10 điện cực	- Cap nối catheter thăm dò điện sinh lý tim với hệ thống lập bản đồ điện sinh lý tim 3D - Chiều dài ≤ 3m - Tương thích Catheter thăm dò điện sinh lý tim 3D cảm biến từ trường loại 10 điện cực - Có chứng nhận CE hoặc FDA	5	Cái	Hộp 1 cái	Châu Mỹ/ Châu Âu/ Đông Nam Á	
131	Cáp nối dài cho các loại catheter đốt 1 hướng và 2 hướng	- Tương thích với các loại catheter đốt 1 hướng và 2 hướng - Tương thích với hệ thống điều trị rối loạn nhịp workmate	70	Cái	Hộp 1 cái	Không áp dụng	
132	Cáp nối dài cho các loại catheter đốt 1 hướng và 2 hướng tưới nước muối	- Tương thích với các loại catheter đốt 1 hướng và 2 hướng tưới nước muối - Tương thích với hệ thống điều trị rối loạn nhịp workmate - Có chứng nhận FDA hoặc CE	30	Cái	Hộp 1 cái	Không áp dụng	

Tổng cộng: 142 mặt hàng